

AM 12:55

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 10.9.2026 Board 1

WHITE Ventalero, Khara Kathrine C.											
BLACK Luo, zhenzhen											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bb5	Bb5	41	03	04	61	Nc5	Nxa4
2	Nf3	d5	22	Qxb5	Rxd8	42	b3	Kd6	62	Nxa4	Kxg4
3	Bg4	c5	23	Qd3	Rd6	43	Kc3	Kc6	63		
4	c3	e6	24	Qxd6	Qxd6	44	a4	bxa4	64		
5	Nbd2	Nc6	25	Rxd6	Re8	45	bxa4	g8	65		
6	~~Qe3~~	Re7	26	Kf1	Kf8	46	e5	fxe5	66		
7	h3	h6	27	Nh4	Re7	47	fpg5	Kd5	67		
8	Bd3	Bd6	28	Nf5	Re6	48	g6	Nf3	68		
9	Bd6	Qd6	29	Re8	Re8	49	g7	e4	69		
10	0-0	0-0	30	Re8	Nxe8	50	Nd1	Kd5	70		
11	Qe2	e5	31	Ker	h5	51	g4	Nd1	71		
12	dxe5	Nxe5	32	Kd3	g6	52	Kc4	Ke6	72		
13	Nxe5	Qxe5	33	Ng3	Ke7	53	Kxc3	Kf7	73		
14	Nf8	Qc3	34	Nd4	Kd7	54	Ke4	Kg7	74		
15	c4	dxc4	35	g4	hxg4	55	Kxe4	Kg7	75		
16	Bd4	Qe7	36	h4	f6	56	Kf4	Kf7	76		
17	Rd1	h6	37	f4	Kc6	57	Nc3	Nd4	77		
18	Rd2	Bd7	38	Nc1	Nd6	58	Kg4	Nd4	78		
19	Rd1	Bc6	39	e4	Nf7	59	Kf4	Nd4	79		
20	Rd6	Rac8	40	Nf3	h5	60	Ke5	Nc3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Luo, zhenzhen			Luo, zhenzhen			Pan Qian					

AM 12:55

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.8 Board 1

WHITE Ventalero, Khara Kathrine											
BLACK Luo, Zhen zhen											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bb5	Bb5	41	a3	af	61	h7	Nag
2	Nf3	d5	22	Qb5	Rf8	42	b3	Kd6	62	Nag	Kf8
3	Bg4	c5	23	Qd3	Rd6	43	Kc3	Kc6	63		
4	c3	e6	24	Qxd6	Qxd6	44	a4	bxb4	64		
5	Nbd2	Nc6	25	Rxd6	Re8	45	bxb4	g5	65		
6	Qe3	Re7	26	Kf1	Kf8	46	e5	fg5	66		
7	h3	h6	27	Nh4	Re7	47	f7	Kf5	67		
8	Bd3	Bd6	28	Nf5	Re6	48	g6	Nf3	68		
9	Bd6	Qd6	29	Re8	Re8	49	g7	e4	69		
10	0-0	0-0	30	Re8	Nxe8	50	Nd1	Kd5	70		
11	Qe2	e5	31	Ker	h5	51	g4	Nd1	71		
12	dxe5	Nxe5	32	Kd3	g6	52	Kc4	Ke6	72		
13	Nxe5	Qxe5	33	Ng3	Ke7	53	Kxc3	Kf7	73		
14	Nf8	Qc3	34	Nd4	Kd7	54	Ke4	Kg7	74		
15	c4	dxc4	35	g4	hxg4	55	Kxe4	Kg7	75		
16	Bd4	Qe7	36	h4	f6	56	Kf4	Kf7	76		
17	Rd1	h6	37	f4	Kc6	57	Nc3	Nd4	77		
18	Rd2	Bd7	38	Nc1	Nd6	58	Kg4	Nd4	78		
19	Rd1	Bc6	39	e4	Nf7	59	Kf4	Nd4	79		
20	Rd6	Rac8	40	Nf3	h5	60	Ke5	Nc3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Luo, zhenzhen			Luo, zhenzhen			Pan Qian					

AM 11:52

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.28

Group G12
Round 8
Board 2

WHITE Xen Yueran						FED		RESULT (W)			
BLACK Huang Zixin						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nc5	Rd5	41	Rd1	Qxd4	61		
2	c4	e6	22	Ng4	Nc4	42	Qxd1	Bxd1	62		
3	Nc3	Bd4	23	Qxg4	Pg5	43	Kxd1	Pc5	63		
4	Qa2	d5	24	Qa4	Bb5	44	Kc2	Kf7	64		
5	e3	o-o	25	Qb4	Qd7	45	Pb3	g5	65		
6	Nf3	c5	26	Rd1	Qc5	46	Ka4	Ke7	66		
7	Bd3	dc	27	Pg7	a5	47	Bxb5	Pc2	67		
8	Bxc4	Nc6	28	Rd7	Bc2	48	Bd4	Rd7	68		
9	dc	Qab	29	Rc2	Qxg2	49	Bc3	Rc2	69		
10	Bd2	Qxc5	30	Qc5	Bc4	50	Bc5	Kc6	70		
11	Bd3	h6	31	Qg3	Qd4	51	b4	h5	71		
12	a3	Bxc3	32	Rd2	Qe2	52	Pb6	Pb7	72		
13	Bxc3	Qe7	33	Pc1	f6	53	b5	h4	73		
14	Bb5	Rd8	34	Rd2	Qd4	54	Rb4	g4	74		
15	Bxc6	bc	35	Rd1	Qe2	55	a4	Rd5	75		
16	Ba5	Rd5	36	Rd2	Qd5	56	Bd6	Rd5	76		
17	Qxc6	Bb7	37	Bd6	Bb3	57	Be7	g3	77		
18	Qc1	Rd7	38	Bc3	Qd7	58	h9	h3	78		
19	Qg3	Ba6	39	Qh4	Qf3	59			79		
20	Bc3	Rd8	40	Qd7	Qh4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Xen Yueran			Huang Zixin			Pan Qian					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.28

Group G12
Round 8
Board 2

WHITE Xie, Yueran						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Huang, Zixin						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nc5	Rd5	41	Rd1	Rd1	61		
2	c4	e6	22	Ng4	Nc4	42	Rd1	Bd1	62		
3	Nc3	Bd4	23	Qg4	Pg5	43	Kd1	Rg5	63		
4	Qc2	d5	24	Qa4	Bb5	44	Kc2	Kf7	64		
5	e3	o-o	25	Qb4	Qd7	45	Kb3	g5	65		
6	Nf3	c5	26	Rd1	Qc6	46	Ka4	Kc7	66		
7	Bd3	dc	27	Pg1	a5	47	Ba5	Rc2	67		
8	Bxc4	Nc6	28	Qd4	Pg2	48	Bb4	Kd7	68		
9	dc	Qa5	29	Pg2	Qg2	49	Bc3	Rf2	69		
10	Bd2	Qc5	30	Qa5	Bc4	50	Ba5	Kc6	70		
11	Bb3	h6	31	Qg3	Qf1	51	b4	h5	71		
12	a3	Bc3	32	Kc2	Qe2	52	Ka5	Kb7	72		
13	Bc3	Qe7	33	Kc1	f6	53	b5	h4	73		
14	Bb5	Rd8	34	Rd2	Qf1	54	Kb4	g4	74		
15	Bc6	bc	35	Rd1	Qe2	55	a4	Rf5	75		
16	Ba5	Rd5	36	Rd2	Qh5	56	Bd6	Rd5	76		
17	Qc6	Bb7	37	Bf6	Bb3	57	Bb7	g3	77		
18	Qc7	Rd7	38	Bc3	Qf7	58	hg	h3	78		
19	Qg3	Ba6	39	Qh4	Qf3	59			79		
20	Bc3	Rf8	40	Qd4	Qh1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Xie Yueran			Huang Zixin			Pan Qian					

AM 11:52

AM 11:42

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.28Group
G/2
Round
8
Board
3

WHITE Parades, Althea Dominique						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Jiang Luning						FED CHN		RESULT (B) .1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ke1	Bh6	41	b5	Nd7	61		
2	c4	g6	22	Nf1	g3	42	Na4	Qd4	62		
3	Nc3	Bg7	23	hg	fg	43	Bc2	Rd4	63		
4	e4	d6	24	Bc3	Be3	44	Kd4	Bc3	64		
5	Nf3	o-o	25	Ne3	Nf6	45			65		
6	Bc2	e5	26	Kd2	h4	46			66		
7	d5	a5	27	Bd1	Nh5	47			67		
8	Bg5	Na6	28	Ne2	Nf4	48			68		
9	Nd2	Nb5	29	Nf4	ef	49			69		
10	o-o	Qe8	30	Nd1	h3	50			70		
11	f3	Nf4	31	Nc3	b2	51			71		
12	Bc2	f5	32	Bd3	Bg7	52			72		
13	b3	f4	33	Bd1	Qd4	53			73		
14	a3	h6	34	Be2	Rd6	54			74		
15	Bh4	g5	35	Mb5	Qe5	55			75		
16	Bd2	b6	36	Nc3	Rh6	56			76		
17	b4	Na6	37	Rh1	Bd7	57			77		
18	Rab1	h5	38	Kc2	ab	58			78		
19	~~Rd4~~	Bg6	39	ab	Nb8	59			79		
20	Kf1	g4	40	Kb3	Be8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Althea			Jiang			Pan Qian					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
28 AugGroup
G/2
Round
8
Board
3

WHITE Parades, Althea Dominique M.						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Jiang, Luning						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Kc1	Bh6	41	b5	Nd7	61		
2	c4	g6	22	Nf1	g3	42	Na4	Qd4	62		
3	Nc3	Bg7	23	hxg3	fxg3	43	Bc2	Rxa9	63		
4	e4	d6	24	Bc3	Bxc3	44	Kxa4	ac3	64		
5	Nf3	o-o	25	Nxc3	Nf6	45			65		
6	Bc2	e5	26	Kd2	h4	46			66		
7	d5	a5	27	Bf1	Nh5	47			67		
8	Bg5	Na6	28	Nd2	Nf4	48			68		
9	Nd2	Nc5	29	Nxf4	exf4	49			69		
10	o-o	ae8	30	Nd1	h3	50			70		
11	f3	Nf67	31	Nc3	h2	51			71		
12	ac2	f5	32	Bd3	Qg7	52			72		
13	b3	f4	33	Qd1	Qd4	53			73		
14	a3	h6	34	ae2	Rf6	54			74		
15	Bh4	g5	35	Nb5	Qe5	55			75		
16	Bf2	b6	36	Nc3	Rh6	56			76		
17	b4	Na6	37	Rh1	Bd7	57			77		
18	Rab1	h5	38	Kc2	axb4	58			78		
19	Rfc1	ag5	39	axb4	Nb8	59			79		
20	Kf1	g4	40	Kb3	Bc8	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Althea			SIGNATURE (BLACK) Jiang			SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

AM 11:42

AM 11:17

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28 August Board 9

WHITE Veronica J.S.H. Mahalew												FED INA	RESULT (W) 1/2
BLACK Kung Fan Hsuan												FED TPE	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	Bg3	Bf8	41	Qxg4	Qb4	61				
2	c4	c6	22	Kh2	Qd7	42	Qc5	kg7	62				
3	Nf3	Nf6	23	Bd3	Qb6	43			63				
4	Nc3	g6	24	Qb3	Qc7	44			64				
5	cxd5	cxg5	25	Bxd6	Nxd6	45			65				
6	Bf4	a6	26	g3	h5	46			66				
7	e3	Nc6	27	kg2	kg7	47			67				
8	Ne5	e6	28	Qb5	Qc6	48			68				
9	Be2	Nxe5	29	a3	Ne4	49			69				
10	Qxe5	Bg7	30	Qc3	b5	50			70				
11	O-O	O-O	31	kg1	Qd6	51			71				
12	Rc1	Bd7	32	h4	Kh7	52			72				
13	Na4	Bxa4	33	Be2	Kh6	53			73				
14	Qxa4	Rc8	34	Qc1	kg7	54			74				
15	Qb4	Qd7	35	Qc3	Kh6	55			75				
16	Qb6	Rxc1	36	Qc1	kg7	56			76				
17	Rxc1	Rc8	37	Qc3	Kh6	57			77				
18	Rc7	Rxc7	38	Qc2	a5	58			78				
19	Bxc7	Qc8	39	q4	bxa4	59			79				
20	h3	Ne8	40	Bxa4	dxg4	60			80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Sheng				Sheng				Pan Qian					

AM 11:17

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28 Board 48

WHITE Veronica J.S.H. Mahalew												FED INA	RESULT (W) 1/2
BLACK Kung Fan Hsuan												FED TPE	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	Bg3	Bf8	41	Gxc4	Qb4	61				
2	c4	c6	22	Kh2	Qd7	42	Qc5	kg7	62				
3	Nf3	Nf6	23	Bd3	Bd6	43			63				
4	Nc3	g6	24	Qb3	Qc7	44			64				
5	cxg5	cxg5	25	Bxd6	Nxd6	45			65				
6	Bf4	a6	26	g3	h5	46			66				
7	e3	Nc6	27	kg2	kg7	47			67				
8	Ne5	e6	28	Qb4	Qc6	48			68				
9	Be2	Nxe5	29	a3	Nc4	49			69				
10	Bxe5	Bg7	30	Qc3	b5	50			70				
11	O-O	O-O	31	kg1	Qd6	51			71				
12	Rc1	Bd7	32	h4	Kh7	52			72				
13	Na4	Bxa4	33	Be2	Kh6	53			73				
14	Qxa4	Rc8	34	Qc1	kg7	54			74				
15	Qb4	Qd7	35	Qc3	Kh6	55			75				
16	Qb6	Rxc1	36	Qc1	kg7	56			76				
17	Rxc1	Rc8	37	Qc3	Kh6	57			77				
18	Rc7	Rxc7	38	Qc2	a5	58			78				
19	Bxc7	Qc8	39	a4	bxa4	59			79				
20	h3	Ne8	40	Bxc4	dxg4	60			80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Sheng				Sheng				Pan Qian					

PM 1:00

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.23.

Group
G12
Round
8.
Board
5.

WHITE Aljin Bumshur											
BLACK Zaidani Zinneerah Annour											
FED MGL				FED MAS				RESULT (W)			
0				1				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd6	Red8	41	Kc3	Nc5	61	Kf3	kg5
2	f4	g6	22	Kh2	kg7	42	kg1	b5	62	Kh4	kg4
3	Nf3	Bg7	23	g4	Nd5	43	ab	Kb5	63	Kf3	kg3
4	Bc2	Nc6	24	kg2	Ka6	44	Bd4	Ne4	64	Kc2	kg2
5	c3	e6	25	Ka6	Ka8	45	Kb2	Kb4	65	Ke3	h5
6	o-o	Ne7	26	Kc6	Nc6	46	Ke8	Nc5	66	Kf4	h4
7	d4	cd	27	Bb7	Kac8	47	Bc3	Ka3	67	kg5	h3
8	cd	Bb6	28	Bc3	Ka8	48	Ba5	Nb3	68	Kf6	h2
9	Kf1	Kd4	29	Kc8	Ne7	49	Bb6	Kb4	69	Kf7	h1-Q
10	Nd4	Bd4	30	Kc8	Nc8	50	Bd2	Kc4	70	Ke6	g5
11	Bd4	Nd4	31	Ba3	ab	51	Bg7	d4	71	Ke7	g4
12	Bd3	o-o	32	g5	Na7	52	Bc1	d3	72	ab	Bh6
13	Bd2	d5	33	b3	Nb5	53	Kd1	d2	73	Kb7	Bc6
14	c5	b6	34	Bb4	as	54	Bd2	Nd2	74	Kc6	g7
15	Bb4	Re8	35	Bd2	Kf8	55	Kd2	Kd4	75	Kf5	Kt3
16	Nd2	Nc5	36	Kf3	Ke7	56	a4	Kc4	76	Kc5	g2
17	Nf3	Bb7	37	Ke3	Kd7	57	Kc3	Kf4	77	Kd4	g1-Q
18	Nd4	Nd4	38	Kd3	Kc6	58	Kd4	g4	78		
19	Rac1	Rac8	39	a4	Nc7	59	Ke4	Kh4	79		
20	h3	Nc6	40	Bc3	Na6	60	Kf4	Kh5	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Pan Qian			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.2026

Group
G12
Round
8
Board
5

WHITE Vin, Bumshur											
BLACK Zinneerah Annour											
FED MGL				FED MAS				RESULT (W)			
0				1				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd6	Red8	41	Kc3	Nc5	61	Kf3	kg5
2	f4	g6	22	Kh2	kg7	42	Bg1	b5	62	Ke4	kg4
3	Nf3	Bg7	23	g4	Nd5	43	Bx65	Kx65	63	Ke3	kg3
4	Be2	Nc6	24	kg3	Qc6	44	Bd4	Ne4	64	Ke2	kg2
5	c3	e6	25	Ba6	Ra8	45	Kc2	Kb4	65	Ke3	h5
6	o-o	Nge7	26	Rxc6	Nxc6	46	Kc2	Nc5	66	Kf4	h4
7	d4	cx4	27	Bb1	Rac8	47	Bc3+	Ka3	67	kg5	h3
8	cx4	Qb6	28	Bxc8	Rxc8	48	Bxa5	Nxb3	68	Kf6	h2
9	Kh1	Bxd4	29	Rc1	Ne7	49	Bb6	Kb4	69	Kxf7	h1-Q
10	Nxd4	Qxd4	30	Rxc8	Nxc8	50	Bf2	Kc4	70	Kxe6	g5
11	Qxd4	Nxd4	31	Ba3	ag	51	Bg3	d4	71	Ke7	g4
12	Bd3	o-o	32	g5	Na7	52	Bc1	d3+	72	e6	Qh6
13	Bd2	d5	33	b3	Nb5	53	Kd1	d2	73	Kd7	Qxe6+
14	e5	b6	34	Bb4	as	54	Bxd2	Ne2	74	Kxe6	g3
15	Qb4	Re8	35	Bd2	Kf8	55	Kxd2	Kd4	75	Kf5	Kf3
16	Nb2	Ne5	36	Kf3	Ke7	56	h4	Ke4	76	Ke5	g2
17	Nf3	Bb7	37	Ke3	Kd7	57	Kc3	Kxf4	77	Kd4	g1-Q
18	Nxd4	Nxd4	38	Kd3	Kc6	58	Kd4	kg4	78		
19	Rac1	Rac8	39	a4	Nc7	59	Ke4	Kxh4	79		
20	h3	Nc6	40	Bf3	Na6	60	Kf4	Kh5	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Pan Qian			

PM 1:00

AM 12:24

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)Date
26.08.28

Group	G12
Round	8
Board	6

WHITE Lee Jiah A						FED KOR		RESULT (W)			
BLACK Ye Shuhan						FED CHN		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	exd6 ³⁹	Bh7 ³⁵	41	dxeb ¹⁰	Qxb6 ¹¹	61		
2	e4	e5	22	Qc3 ³⁶	O-O-O ³⁴	42	Qf4 ⁵	Kc8 ¹¹	62		
3	Nc3	Nf6	23	Nxh7 ³⁵	Bxh7 ³²	43	Qe5 ¹⁴	Qd7 ¹⁰	63		
4	Nge2	Nc6	24	Bd5 ³⁶	g2 ³²	44	Qd8 ¹⁴	Kd7 ¹⁰	64		
5	g3	db	25	Bxh7 ³⁴	Bxh7 ³²	45	d7 ¹²	Qd7 ¹⁰	65		
6	Bg2	Beb	26	Kxh7 ³⁴	Bh7 ³²	46	Kc3 ¹²	b5 ¹⁰	66		
7	d3	Be7	27	Ke1 ³³	Be8 ³¹	47	Qc7 ¹²	Kb6 ¹¹	67		
8	O-O	f5	28	Q5 ³²	Bg7 ²⁹	48	Bd8#		68		
9	f4	exf4 ³⁴	29	Kf5 ³⁰	Kf6 ²⁸	49			69		
10	Nxf4 ³⁴	Bd7 ³¹	30	Bf6 ²⁹	b6 ²²	50			70		
11	Qe1 ³⁵	Ne5 ³⁶	31	Kd2 ²⁵	Bf5 ²¹	51			71		
12	Be3 ³⁰	g5 ³⁴	32	Kc1 ²⁵	Bd8 ²⁰	52			72		
13	Nf5 ³⁰	Nxd5 ³⁴	33	Qf3 ²¹	Bd7 ¹⁷	53			73		
14	Nxd5 ³⁴	f4 ⁴⁵	34	~~Bd7~~ ²¹	Bd7 ¹⁵	54			74		
15	h3 ⁵²	Beb ⁴⁵	35	Qd2 ¹⁹	Bd7 ¹²	55			75		
16	Rd1 ⁴⁷	g4 ⁴³	36	Kc3 ¹⁹	Kxd6 ¹²	56			76		
17	Nf4 ⁴⁷	Qd7 ⁴³	37	Cxd7 ¹⁹	Qd7 ¹²	57			77		
18	f4 ⁴⁴	gxb3 ⁴¹	38	b3 ¹⁸	Qb7 ¹³	58			78		
19	dxeb ⁴³	hxg2 ⁴¹	39	Kb2 ¹⁸	Qd7 ¹²	59			79		
20	Nxg2 ⁴²	hxg3 ³⁶	40	eb ¹⁷	Bxb6 ¹⁰	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
o x o t			Ye Shuhan			Pan Qium					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)Date
2026.8.28

Group	G12
Round	8
Board	6

WHITE Lee, Jiah A						FED KOR		RESULT (W)			
BLACK Ye, Shuhan						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	d4	Bh4	41	de	Qe6	61		
2	e4	e5	22	Qc3	O-O-O	42	Qf4	Qxe6	62		
3	Nc3	Nf6	23	Nh4	Rh4	43	Qe5	Qg4	63		
4	Nd2	Nc6	24	Bd3	g2	44	Qe8	Kd7	64		
5	g3	db	25	Bh4	g4	45	d7	Qd7	65		
6	Bg2	Be6	26	Kf7	B43	46	Ka3	b5	66		
7	d3	Be7	27	Ke1	Re8	47	Qc8	Kb6	67		
8	O-O	f5	28	e5	Bg4	48	Bf8		68		
9	f4	exf4	29	Rd5	Kd7	49			69		
10	Nf4	Bd7	30	Bf3	b6	50			70		
11	Qe1	Nd5	31	Kd2	Bf5	51			71		
12	Be3	g5	32	Kc1	Rg8	52			72		
13	Nf5	Nxd5	33	Qf3	Bg1	53			73		
14	Nxd5	h4	34	Qd2	Bg4	54			74		
15	h3	Be6	35	Bf2	Bd8	55			75		
16	Rd1	g4	36	Kc3	Re5	56			76		
17	Nf4	Qd7	37	Re4	Qd4	57			77		
18	d4	g6	38	b3	Qb4	58			78		
19	de	h9	39	b2	Qd4	59			79		
20	h9	h9	40	eb	Be6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) o x o t			SIGNATURE (BLACK) Ye, Shuhan			SIGNATURE (ARBITER) Pan Qium					

AM 12:24

AM 11:46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.28 Board 7

WHITE Mandukhai Munkhbat											
BLACK 吴浥雨											
FED MGL						FED CHN					
RESULT (W) 1						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd1	Qf6	41	Rac6	f6p	61		
2	d4	fd	22	f4	Bxc3	42	Qxc7	Qxc7	62		
3	c3	dc	23	Rxc3	hg	43	Rxc7	d4	63		
4	Nxc3	Nc6	24	hg	Bb7	44	es	Ra7	64		
5	Bxc4	eb	25	Bf3	Qd8	45	Rxc7	cxc7	65		
6	a3	Bc5	26	Rd1	Bc6	46	Rc7	kgp	66		
7	Nf3	Ne7	27	Kc2	Qc7	47	Kb7	Kc7	67		
8	Bf4	ab	28	Bd6	Qb7	48	Rc7	d3	68		
9	Bf2	b5	29	Rc1	Ne7	49	f7	Rd5	69		
10	b4	Bb6	30	g4	Nc8	50	Rc1	Kd7	70		
11	O-O	O-O	31	Bc5	Nb6	51	Rxc1	Ke7	71		
12	Qd2	Nb6	32	Kg3	d5	52	Rxc1	Kf7	72		
13	Bd6	Rc7	33	Rd1	f6	53	Rd3	Kg6	73		
14	Rfd1	Bc7	34	Qd2	Rcd8	54	Kg4	Kg7	74		
15	Bc5	Nc8	35	Qd7	Kf7	55	fx	cx	75		
16	Nxc2	Bxc7	36	fx	Ke8	56	Kf8	Kf6	76		
17	g3	Qf6	37	fx	Kd7	57	Kf8	Bc6	77		
18	Rac1	Qf3	38	Qc9	Kc8	58	fx	Kd7	78		
19	Rc1	h5	39	Bd6	Qd6	59			79		
20	Bf3	h4	40	Kc1	Qb7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Monggyar				ZLR				Pan Qian			

AM 11:46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

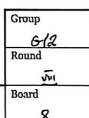


Date 8.28 Board 8

WHITE Mandukhai Munkhbat											
BLACK 吴浥雨											
FED MGL						FED CHN					
RESULT (W) 1						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd1	Qf6	41	Rc6	kb8	61		
2	d4	cd	22	f4	Bc3	42	Qc8	Qc8	62		
3	c3	dc	23	Rc3	hg	43	Rc7	d4	63		
4	Nc3	Nc6	24	hg	Bb7	44	es	Ra7	64		
5	Bc4	eb	25	Bf3	Qd8	45	Kc7	Kc7	65		
6	a3	Bc5	26	Rd1	Bc6	46	Rc7	Kb8	66		
7	Nf3	Ne7	27	Kg2	Qc7	47	Rb7	Kc8	67		
8	Bf4	ab	28	Bd6	Qb7	48	Rc7	d3	68		
9	Ba2	b5	29	Rc1	Ne7	49	f7	Rf8	69		
10	b4	Bb6	30	g4	Nc8	50	Rc6	Kd7	70		
11	O-O	O-O	31	Bc5	Nb6	51	Nf8	Ke7	71		
12	Qd2	Nb6	32	Kg3	d5	52	Rd6	Kf7	72		
13	Bd6	Rc7	33	Rd1	f6	53	Rd3	Kg6	73		
14	Rfd1	Bc7	34	Qd2	Rcd8	54	Kg4	Kg7	74		
15	Bc5	Nc8	35	Qd7	Kf7	55	fx	cx	75		
16	Nxc2	Bxc7	36	fx	Ke8	56	Kf8	Kf6	76		
17	g3	Qf6	37	fx	Kd7	57	Kf8	Bc6	77		
18	Rac1	Qf3	38	Qc9	Kc8	58	fx	Kd7	78		
19	Rc1	h5	39	Bd6	Qd6	59			79		
20	Bf3	h4	40	Kc1	Qb7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Monggyar				ZLR				Pan Qian			

Am 10:57

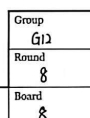
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE						FED		12026-X-281		8	
Anudori, Jambolsuren						Mgl		RESULT (W)		1	
BLACK						FED		CHN		RESULT (B)	
Ma, Guyu										0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rab1	~~Rc1~~ Bc8	41	nb7	Kg3	61		
2	d4	d5	22	Re1	Rc1	42	Na5	kg4	62		
3	ed5	cd5	23	O-O	Kf1	43	nc4	h3	63		
4	c4	e6	24	Ke2	e5	44	gh3	Kh4	64		
5	c5	Nc6	25	f3	f4	45	a5	Kg5	65		
6	Nc3	Bd7	26	fe	fg	46	a6	Kh4	66		
7	Na3	b6	27	hg	de4	47	a7	~~Kg5~~ Kg5	67		
8	Bb5	a6	28	Ng6	Re8	48	e8Q	Kh4	68		
9	Bc6	Rc6	29	Re8	Rc8	49	Qd8	Kg3	69		
10	b4	Rc8	30	Ne7	~~R~~ Kf7	50	Qg5	Kf2	70		
11	Ne5	Bb7	31	Nc8	Kf6	51	Qg2	Ke1	71		
12	O-O	Nf6	32	Ke3	h5	52	Qe2		72		
13	Bg5	h6	33	Ke4	h4	53			73		
14	Bh4	g5	34	gh4	gh4	54			74		
15	Bg3	bc5	35	Nc5	a5	55			75		
16	~~Bb5~~ bc5	~~Af5~~ Bc5	36	a4	Kg5	56			76		
17	~~Rc5~~ dc5	~~Bd4~~ Rc5	37	Ne6	Kg4	57			77		
18	~~Bc5~~ ed4	Qa5	38	Nf4	Kg3	58			78		
19	Qa4	Qa4	39	Nd6	Kg4	59			79		
20	Na4	Rc8	40	~~Nf7~~	~~Kg3~~	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			MSV			Pam Duan					

AM 10:52

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE										FED		2020-8-26		8					
Anudori Ambalsuren										MGL		RESULT (W)							
BLACK										FED		RESULT (B)							
Maaya										CHN									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK					
1	E4 1:30	C6 1:30	21	Rb1 1:23	Bc8 1:09	41	Nb7 1:20	Kf3 5:0'	61										
2	d4 1:30	d5 1:30	22	Rf6 1:23	Rc1 1:08	42	Na5 1:19	Kf4 5:0'	62										
3	ed 1:20	cd 1:29	23	Rc1 1:23	O-O 1:00	43	Nc4 1:19	h3 5:0'	63										
4	c4 1:30	e6 1:28	24	Kf1 1:22	Ne4 1:03	44	gh 1:20	Kh4 4:1'	64										
5	c5 1:30	Nc6 1:27	25	Ke2 1:22	f5 1:02	45	a5 1:20	Kf5 4:1'	65										
6	Nc3 1:30	Bd7 1:26	26	f3 1:21	f4 5:7'	46	a6 1:20	Kh4 4:6'	66										
7	Nf3 1:30	b6 1:25	27	fe 1:20	fg 5:6'	47	a7 1:19	Kf5 4:6'	67										
8	Bb5 1:30	a6 1:23	28	hg 1:21	de 5:6'	48	Qg8=8 1:18	Kh4 4:6'	68										
9	Bc6 1:30	Bc6 1:23	29	Ng6 1:21	Re8 5:7'	49	Qd8 1:19	Kf3 4:4'	69										
10	b4 1:31	Rc8 1:21	30	Rc8 1:21	Rc8 5:7'	50	Qf5 1:19	Kf2 4:1'	70										
11	Ne5 1:31	Bb7 1:21	31	Ne7 1:22	Kf7 5:7'	51	Qf2 1:19	Rc1 4:0'	71										
12	O-O 1:30	Nf6 1:30	32	Nc8 1:22	Kf6 5:7'	52	Qe2 1:19		72										
13	Bf5 1:30	h6 1:19	33	Ke3 1:23	h5 5:5'	53			73										
14	Bh4 1:31	g5 1:19	34	Ke4 1:21	h4 5:5'	54			74										
15	Bf3 1:31	bc 1:19	35	gh 1:21	h4 5:6'	55			75										
16	bc 1:24	Bc5 1:18	36	Na5 1:22	a5 5:6'	56			76										
17	dc 1:30	Rc5 1:18	37	a4 1:22	Kf5 5:2'	57			77										
18	Qd4 1:30	Qa5 1:12	38	Nb6 1:19	Kf4 5:2'	58			78										
19	Qa4 1:27	Qa4 1:12	39	Nf4 1:20	Kf3 5:2'	59			79										
20	Qd4 1:27	Rc7 1:10	40	Nd6 1:20	Kf4 5:1'	60			80										
SIGNATURE (WHITE)										SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				
Anudori Ambalsuren										MSV					Phu Olan				

AM 11:21

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date

2026.5.28

Group

G12

Round

8

Board

9

WHITE Ma Sula												FED CHN		RESULT(W)	
BLACK Bujiukham Battur												FED MGL		RESULT(B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	e4	e5	41	e4	e5	61						
2	Nf3	Nc6	22	Rf3	Rc6	42	f3	f6	62						
3	Bc4	Bc5	23	h3	g5	43	g3	g5	63						
4	d3	d6	24	Rac1	R54	44	Ne4	N55	64						
5	c3	Nf6	25	Rde1	R54	45	f4	a4	65						
6	Nd2	h6	26	d4	R55	46	c5	27	66						
7	N51	O-O	27	Re3	h5	47	nc5	27	67						
8	Be3	Be3	28	Rce1	g5	48	b6	28	68						
9	Ne3	Ng4	29	de	de	49	1v6	29	69						
10	Qe2	Ne3	30	Re5	Re5	50	nc5	30	70						
11	Qe3	Ne5	31	Re5	Re5	51	nc4	31	71						
12	Bb5	a6	32	1v5	nc8	52	Na4	32	72						
13	Ba4	Bd7	33	nc6	1c5	53		33	73						
14	Bd7	Qd7	34	Ne5	ke6	54		34	74						
15	O-O	Qb5	35	Nf5	g4	55		35	75						
16	b4	nc6	36	hg	hg	56		36	76						
17	a4	ab6	37	Nd2	kd6	57		37	77						
18	Qb6	Cb	38	Kf1	Kc5	58		38	78						
19	b5	Na7	39	Ke2	kb4	59		39	79						
20	C4	f5	40	Kd3	Kq4	60		40	80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
马苏拉				Bujiukham				Pan Duan							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date

2026.5.28

Group

G12

Round

8

Board

9

WHITE Ma Sula												FED CHN		RESULT(W)	
BLACK Bujiukham Battur												FED MGL		RESULT(B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	e-f	Rf5	41	Kc3	Nd6	61						
2	Nf3	NC6	22	Rf-d	Rc8	42	f3	g-f	62						
3	BC4	BC5	23	h3	d5	43	g-f	Ka3	63						
4	d3	d6	24	Ra-c1	Rf4	44	Ne4	Nf5	64						
5	c3	Nf6	25	Re1	Re8	45	f4	q4	65						
6	Nd2	h6	26	d4	Rf5	46	c5	b-c	66						
7	Nf1	O-O	27	Re3	h5	47	NC5	Nd6	67						
8	Be3	Be3	28	Rc-e8	g5	48	b6	NC8	68						
9	Ne3	Ng4	29	d-e	d-e	49	Nb7	Nbc	69						
10	Qe2	Ne3	30	Re5	Re5	50	NC5	Nd5	70						
11	Qe3	Nq5	31	Re5	Re5	51	Kc4	Nf4	71						
12	Bb5	q6	32	Ne5	NC8	52	Na4	Kq4	72						
13	Bq4	Bd7	33	Nd7	Kf7	53			73						
14	Bd7	Qd7	34	Ne5	Ke6	54			74						
15	O-O	Qq6	35	Nf3	g4	55			75						
16	b4	NC6	36	h-g	h-g	56			76						
17	q4	Qb6	37	Nd2	Kd6	57			77						
18	Qb6	C-b	38	Kf1	Kc5	58			78						
19	b5	Nd7	39	Ke2	Kb4	59			79						
20	C4	f5	40	Kd3	Kq4	60			80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
马苏拉				Bujiukham				Pan Duan							

AM 11:21

AM 12:50

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28 Board 10

WHITE Chang, Lan-xin Nancy												FED TPE	RESULT (W)
BLACK Wen, Airu												FED CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	Rc1	Qb8	41	T3	gx f3	61	Kg7	Kd7		
2	d4	d5	22	Ng3	Rc7	42	Kxf3	a5	62	Kf7	Bf5		
3	Nd2	Nf6	23	Nh5	Rxc4	43	g4	hxg4	63	Kf8	Bd3		
4	Bd3	c5	24	Bxc4	Qe8	44	Kxg4	Ba4	64				
5	e5	Nd7	25	Nf4	f5	45	Kg5	Bc2	65				
6	c3	Nc6	26	Ne1	Bg5	46	h5	gxh5	66				
7	Ne2	Bc7	27	Qg3	Qc8	47	Nxh5	axb4	67				
8	Nf3	Qb6	28	Bd2	Qc6	48	axb4	Nb6	68				
9	Qc2	h6	29	h4	Bxf4	49	Bd2	Na4	69				
10	b3	cx d4	30	Bxf4	Kf8	50	Nf6	Nb2	70				
11	cx d4	Nb4	31	Kh2	Qb5	51	Nd7	Nd1	71				
12	Qd1	Qc7	32	b4	Qe2	52	Nf6	Nf2	72				
13	Q3	Nxd3	33	Nd3	Nc4	53	K46	Nd3	73				
14	Qxd3	Nb6	34	Nc5	Bc8	54	Kg5	Nf2	74				
15	Bb2	Bd7	35	Qg6	Qg4	55	Kh6	Bf5	75				
16	O-O	O-O	36	Qxg4	fxg4	56	b5	Ne4	76				
17	Rfc1	Qd8	37	Bc1	h5	57	Nxe4	Bxe4	77				
18	Ne1	f6	38	Nd3	Kc7	58	b6	Ke7	78				
19	Nf3	Rc8	39	Nf4	g6	59	Bb4	Kd7	79				
20	Rxc8	Qxc8	40	Kg3	Bd7	60	Bc5	Kc6	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Nancy				wenairu				Pan Qian					

AM 12:50

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28 Board 10

WHITE Chang, Lan-xin Nancy												FED TPE	RESULT (W)
BLACK Wen, Airu												FED CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	Ng3	Rc8	41	g4	h9	61	Kf8	Bd3		
2	d4	d5	22	Nh5	Rc1	42	g4	Bd4	62				
3	Nd2	Nf6	23	Bc1	Qe8	43	Kg5	Bc2	63				
4	Bd3	c5	24	Nf4	f5	44	h5	Bd2	64				
5	e5	Nd7	25	Ne1	Bg5	45	Nh5	ab	65				
6	c3	Nc6	26	Qg3	Qc8	46	ab	Nb6	66				
7	Ne2	Bc7	27	Bd2	Qc6	47	Bd2	Nd4	67				
8	Nf3	Qb6	28	h4	Bf4	48	Nf6	Nb2	68				
9	Qc2	h6	29	Bf4	Kf8	49	Nd7	Nd1	69				
10	b3	cx d4	30	Kf2	Qb5	50	Nf6	Nf2	70				
11	cx d4	Nb4	31	b4	Qe2	51	Kh6	Nd3	71				
12	Qd1	Qc7	32	Nd3	Nc4	52	Kg5	Nf2	72				
13	Q3	Nxd3	33	Nc5	Bc8	53	Kh6	Bf5	73				
14	Qxd3	Nb6	34	Qd6	Qg4	54	b5	Ne4	74				
15	Bb2	Bd7	35	Qg6	Qg4	55	Ne4	Bc4	75				
16	O-O	O-O	36	Qxg4	fxg4	56	b6	Ke7	76				
17	Rfc1	Qd8	37	Bc1	h5	57	Nxe4	Bxe4	77				
18	Ne1	f6	38	Nd3	Kc7	58	b6	Ke7	78				
19	Nf3	Rc8	39	Nf4	g6	59	Bb4	Kd7	79				
20	Rxc8	Qxc8	40	Kg3	Bd7	60	Bc5	Kc6	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Nancy				wenairu				Pan Qian					